

Thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu gửi qua dịch vụ chuyển phát nhanh đường hàng không quốc tế.

Ban hành tại Quyết định số 2770/QĐ-BTC ngày 25/12/2015

1. Trình tự thực hiện:

I. Trước khi chuyển hàng đến:

1. Trách nhiệm của doanh nghiệp:

1.1. Tiếp nhận bản lược khai hàng hóa từ đối tác nước ngoài; chuyển bản lược khai hàng hóa cho Chi cục Hải quan chậm nhất 02 giờ (đối với hành trình bay tuyến dài - trên 06 giờ bay) và chậm nhất 01 giờ (đối với hành trình bay tuyến ngắn - từ 06 giờ bay trở xuống) trước khi chuyển hàng được vận chuyển đến địa điểm làm thủ tục hải quan (không áp dụng đối với hàng hóa xuất khẩu).

1.2. Tiến hành phân luồng hàng hóa.

1.3. Khai hải quan:

1.3.1. Doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức, cá nhân là người khai hải quan.

1.3.2. Doanh nghiệp thay mặt chủ hàng trực tiếp làm thủ tục hải quan cho hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu (trừ thư, túi ngoại giao, túi lãnh sự), chịu trách nhiệm thực hiện chính sách về quản lý hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, chính sách thuế, lệ phí, thu khác và các quyền, nghĩa vụ của chủ hàng theo quy định của pháp luật.

1.3.3. Doanh nghiệp thực hiện khai hải quan cho từng chuyến hàng được vận chuyển đến địa điểm làm thủ tục hải quan.

1.3.4. Doanh nghiệp căn cứ nội dung bản lược khai hàng hóa (không áp dụng đối với hàng hóa xuất khẩu) và các chứng từ kèm theo lô hàng (nếu có) để khai hải quan.

a. Việc khai hải quan bao gồm cả việc phân luồng hàng hóa.

b. Hàng hóa không phải nộp thuế thực hiện khai hải quan theo Bản kê chi tiết hàng hóa xuất khẩu / nhập khẩu không có thuế (theo mẫu HQ 01-BKHCPN).

- Bản kê chi tiết hàng hóa xuất khẩu / nhập khẩu không có thuế có giá trị pháp lý như tờ khai hải quan thông thường.

- Riêng hàng quà biếu tặng, hàng mẫu gửi cho tổ chức tại Việt Nam có trị giá tính thuế dưới 5 triệu đồng Việt Nam nhưng tổng số tiền thuế phải nộp dưới 50.000 đồng không phải làm thủ tục xét miễn thuế, thực hiện khai hải quan và kiểm tra hải quan theo quy định đối với hàng hóa không phải nộp thuế.

c. Đối với hàng hoá phải nộp thuế, hàng hóa thuộc quản lý chuyên ngành, kiểm tra chất lượng nhà nước, kiểm dịch, kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm, hành lý của người xuất cảnh, nhập cảnh thì thực hiện khai hải quan riêng trên từng tờ khai hải quan cho từng lô hàng.

d. Doanh nghiệp chịu trách nhiệm về tính chính xác các nội dung khai và đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ về nội dung khai hải quan.

1.3.5. Trường hợp chủ hàng yêu cầu trực tiếp làm thủ tục hải quan thì chủ hàng trực tiếp khai hải quan trên tờ khai hải quan.

1.3.6. Trường hợp chủ hàng yêu cầu tờ khai hải quan riêng cho hàng hoá của mình thì doanh nghiệp khai trên tờ khai hải quan riêng.

1.3.7. Doanh nghiệp tiếp nhận quyết định của Chi cục Hải quan về nội dung khai hải

quan phải điều chỉnh (nếu có).

1.4. Đối với doanh nghiệp sử dụng hệ thống mạng vi tính giữa doanh nghiệp với Chi cục Hải quan thì doanh nghiệp có trách nhiệm thực hiện các nội dung dưới đây trên hệ thống mạng vi tính:

1.4.1. Thực hiện các điểm 1.1, 1.2, 1.3 nêu trên.

1.4.2. Gửi nội dung khai hải quan cho Chi cục Hải quan.

2. Trách nhiệm của Chi cục Hải quan:

2.1. Tiếp nhận bản lược khai hàng hóa, nội dung khai hải quan từ doanh nghiệp.

2.2. Trên cơ sở dữ liệu nghiệp vụ đã có, các tiêu chí kiểm tra theo quy định, kết hợp áp dụng biện pháp quản lý rủi ro và các biện pháp nghiệp vụ khác như tổ chức thu thập thông tin... để nghiên cứu, phân tích, tiến hành kiểm tra việc khai hải quan (bao gồm cả việc phân loại hàng hóa) của doanh nghiệp.

2.3. Nếu có nội dung khai hải quan phải điều chỉnh thì công chức hải quan (công chức thực hiện theo ủy quyền của lãnh đạo Chi cục Hải quan) quyết định ngay nội dung phải điều chỉnh để doanh nghiệp thực hiện việc điều chỉnh (quyết định điều chỉnh được ghi ở cột ghi chú - mẫu HQ 01-BKHCPN); công chức hải quan thực hiện cập nhật các nội dung khai hải quan phải điều chỉnh vào cơ sở dữ liệu nghiệp vụ quy định tại điểm 2.2 trên.

2.4. Nếu không có nội dung khai hải quan phải điều chỉnh thì công chức hải quan thông báo ngay cho doanh nghiệp biết việc Chi cục Hải quan quyết định chấp nhận nội dung khai hải quan.

2.5. Doanh nghiệp sử dụng hệ thống mạng vi tính giữa doanh nghiệp với Chi cục Hải quan thì Chi cục Hải quan thực hiện nội dung quy định tại các điểm 2.1, 2.2, 2.3, 2.4 trên hệ thống mạng vi tính.

II. Khi chuyển hàng đến.

1. Trách nhiệm của doanh nghiệp:

1.1. Căn cứ quyết định của Chi cục Hải quan đối với nội dung khai hải quan để thực hiện phân luồng thực tế hàng hóa. Từng luồng hàng hóa nhập khẩu được đánh dấu bằng việc dán giấy màu khác nhau lên từng kiện hàng, gói hàng để phân luồng hàng hóa. Doanh nghiệp tự in và chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng các loại giấy màu này.

1.2. Nộp hồ sơ hải quan, gồm các giấy tờ sau đây:

- Bản kê chi tiết hàng hóa xuất khẩu / nhập khẩu không có thuế (đối với hàng hóa không phải nộp thuế): 02 bản (in từ máy tính).

- Tờ khai hải quan.

- Nộp và xuất trình các giấy tờ liên quan đến từng loại hình hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo quy định tại Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính.

1.3. Xuất trình hàng hóa phải kiểm tra thực tế cho công chức hải quan.

1.4. Trường hợp hàng hóa nhập khẩu không phát được cho chủ hàng thì trước khi chuyển hoàn nước gốc, doanh nghiệp có trách nhiệm xuất trình hàng hoá đó cho công chức hải quan kiểm tra lại trước khi xuất khẩu hàng hóa.

1.5. Đối với hàng hóa lạc tuyến quốc tế (hàng hóa từ nước này lạc tuyến sang nước khác) thì doanh nghiệp có văn bản gửi Chi cục Hải quan đề nghị được chuyển hoàn hàng hóa lạc tuyến đến nước gửi (nước xuất khẩu) hoặc chuyển hàng hóa lạc tuyến đến nước có địa chỉ được ghi trên bao bì sau khi được lãnh đạo Chi cục Hải quan chấp thuận.

2. Trách nhiệm của Chi cục Hải quan:

2.1. Giám sát việc thực hiện phân luồng thực tế hàng hóa của doanh nghiệp.

2.2. Thực hiện thủ tục hải quan:

Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan quy định cụ thể về thủ tục hải quan đối với mỗi luồng hàng hóa.

2.3. Công chức hải quan kiểm tra lại hàng hóa nhập khẩu đã thông quan mà doanh nghiệp không phát được cho chủ hàng trước khi doanh nghiệp xuất khẩu hàng hóa chuyển hoàn nước gốc.

2.4. Trường hợp hàng hoá không đủ điều kiện xuất khẩu thì Chi cục Hải quan thông báo lý do để doanh nghiệp làm thủ tục hoàn trả cho chủ hàng (riêng hàng hoá là mặt hàng cấm xuất khẩu phải xử lý theo quy định hiện hành của pháp luật).

2.5. Niêm phong hải quan đối với bao bì chuyên dụng hoặc xe chuyên dụng chứa hàng hóa xuất khẩu đã hoàn thành thủ tục hải quan để chuyển tới cửa khẩu xuất.

2.6. Tiếp nhận văn bản đề nghị của doanh nghiệp theo quy định tại điểm 1.5 mục này để xem xét giải quyết việc doanh nghiệp chuyển hoàn hàng hóa lạc tuyến đến nước gửi (nước xuất khẩu) hoặc chuyển hàng hóa lạc tuyến đến nước có địa chỉ được ghi trên bao bì và Chi cục Hải quan thực hiện giám sát hải quan đối với trường hợp này.

2.7. Thực hiện thu thuế, lệ phí.

2.8. Thực hiện xử lý tiền thuế, tiền phạt nộp thừa và ấn định thuế.

III. Thủ tục thu nộp thuế và lệ phí hải quan:

1. Trách nhiệm của doanh nghiệp:

1.1. Tự khai, tự tính thuế, tự nộp thuế, lệ phí mỗi ngày một (01) lần đối với các tờ khai hải quan có thuế, lệ phí đã được được làm thủ tục hải quan trong ngày.

1.2. Số tiền thuế, lệ phí phải nộp trong ngày thực hiện chuyển khoản hoặc trừ vào số tiền bảo lãnh thuế hoặc có thể nộp tiền mặt.

1.3. Đối với doanh nghiệp sử dụng biên lai đặc thù:

1.3.1. Doanh nghiệp được phát hành biên lai đặc thù cho khách hàng bằng cách in tự động Biên lai thu thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu và Biên lai thu lệ phí hải quan trên máy vi tính.

1.3.2. Việc in, phát hành, quản lý, sử dụng Biên lai thu thuế và Biên lai thu lệ phí đặc thù trên máy vi tính thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ in, phát hành, quản lý, sử dụng ấn chỉ thuế.

1.3.3. Định kỳ 05 ngày làm việc, doanh nghiệp có trách nhiệm phối hợp với Chi cục Hải quan thực hiện việc đối chiếu các chứng từ thu nộp ngân sách đảm bảo việc nộp thuế, lệ phí hải quan chính xác và đúng quy định hiện hành. Nếu thiếu thì doanh nghiệp phải nộp bổ sung số tiền thuế chênh lệch, nếu thừa thì được xử lý tiền thuế đã nộp thừa theo quy định.

1.4. Đối với doanh nghiệp thực hiện phương thức thanh toán bảo lãnh thuế chung:

1.4.1. Doanh nghiệp có văn bản gửi Chi cục Hải quan (nơi doanh nghiệp làm thủ tục hải quan) đề nghị thực hiện được bảo lãnh chung cho hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo hướng dẫn tại Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính, nêu rõ số tiền đề nghị được thực hiện bảo lãnh chung và thời hạn bảo lãnh dưới hình thức doanh nghiệp tự nộp trước một khoản tiền vào tài khoản của Chi cục Hải quan.

1.4.2. Định kỳ 05 ngày làm việc, doanh nghiệp có trách nhiệm phối hợp với Chi cục Hải quan quyết toán số tiền thuế đã tạm nộp cho Chi cục Hải quan, nếu thiếu thì doanh

ng nghiệp phải nộp bổ sung, nếu thừa thì doanh nghiệp được tiếp tục cộng dồn vào số tiền thuế tạm nộp của tuần tiếp theo.

1.4.3. Nếu Chi cục Hải quan trừ số theo dõi mà số tiền thuế tạm nộp vào tài khoản tiền gửi của Chi cục Hải quan của doanh nghiệp còn thiếu so với số tiền thuế phải nộp thì doanh nghiệp có trách nhiệm chuyển đủ số tiền còn thiếu dự kiến sẽ phải nộp thuế trong tuần và cân đối số tiền thuế sẽ nộp cho tuần tiếp theo nộp vào tài khoản tiền gửi của Chi cục Hải quan.

1.5. Tổng số tiền phải nộp của các Biên lai thu thuế và các Biên lai thu lệ phí đặc thù phát hành trong ngày của doanh nghiệp phải bằng tổng số tiền của một (01) Biên lai thu thuế, một (01) Biên lai thu lệ phí do Chi cục Hải quan phát hành cho các tờ khai hải quan có thuế, lệ phí đã được thông quan trong ngày (trong trường hợp doanh nghiệp nộp tiền mặt).

2. Trách nhiệm của Chi cục Hải quan:

2.1. Thực hiện việc xác định trị giá hàng hóa theo quy định hiện hành về trị giá tính thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; trừ trường hợp trị giá hàng hóa khai báo theo quy định phân luồng hàng hóa nhập khẩu, xuất khẩu do Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan quy định và không có nghi vấn, không có dấu hiệu gian lận.

2.2. Phát hành một (01) Biên lai thu thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu và một (01) Biên lai thu lệ phí hải quan cho các tờ khai hải quan có thuế, lệ phí đã được thông quan trong ngày (trường hợp doanh nghiệp nộp tiền mặt) đối với trường hợp thu thuế theo hình thức nộp bằng tiền mặt hoặc nộp trước khoản tiền để thực hiện bảo lãnh chung cho hàng hóa chuyển phát nhanh. Biên lai thu thuế, lệ phí Chi cục Hải quan cấp cho doanh nghiệp là biên lai ghi tổng số tiền thuế, lệ phí phải nộp trong 05 (năm) ngày làm việc kèm theo bảng kê chi tiết số tiền thuế phải nộp của từng lô hàng thực tế xuất khẩu, nhập khẩu trong ngày.

2.3. Định kỳ 05 ngày làm việc, Chi cục Hải quan chủ động phối hợp với doanh nghiệp để đối chiếu các chứng từ thu nộp ngân sách đảm bảo việc thu nộp thuế, lệ phí hải quan chính xác, đúng quy định hiện hành và thực hiện quyết toán số tiền thuế đã tạm nộp cho Chi cục Hải quan.

IV. Thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu chuyển cửa khẩu:

1. Trách nhiệm của Chi cục Hải quan nơi lập phiếu chuyển:

1.1. Lập 02 Phiếu chuyển hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu (theo mẫu HQ 02-CCKCPN);

1.2. Giao 02 phiếu chuyển cùng hàng hoá cho doanh nghiệp để chuyển cho Chi cục Hải quan nơi tiếp nhận phiếu chuyển.

2. Trách nhiệm của Chi cục Hải quan nơi tiếp nhận phiếu chuyển:

2.1. Tiếp nhận 02 phiếu chuyển và hàng hoá;

2.2. Xác nhận đầy đủ nội dung quy định trên 02 phiếu chuyển;

2.3. Lưu 01 phiếu chuyển; chuyển trả 01 phiếu chuyển (bằng fax) cho Chi cục Hải quan nơi lập phiếu chuyển trong thời hạn chậm nhất 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận phiếu.

2. Cách thức thực hiện:

Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ gồm:

- Bản kê chi tiết hàng hóa xuất khẩu/ nhập khẩu không có thuế (đối với hàng hóa không phải nộp thuế): 02 bản (in từ máy tính).
- Tờ khai hải quan.
- Nộp và xuất trình các giấy tờ liên quan đến từng loại hình hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo quy định tại Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

4. Thời hạn giải quyết:

+Thời hạn tiếp nhận, đăng ký, kiểm tra hồ sơ hải quan: ngay sau khi người khai hải quan nộp, xuất trình hồ sơ hải quan đúng quy định của pháp luật (Khoản 1, Điều 23 Luật Hải quan)

+ Thời hạn hoàn thành thành kiểm tra hồ sơ và kiểm tra thực tế hàng hóa, phương tiện vận tải:

++ Hoàn thành việc kiểm tra hồ sơ chậm nhất là 02 giờ làm việc kể từ thời điểm cơ quan hải quan tiếp nhận đầy đủ hồ sơ hải quan;

++ Hoàn thành việc kiểm tra thực tế hàng hoá chậm nhất là 08 giờ làm việc kể từ thời điểm người khai hải quan xuất trình đầy đủ hàng hoá cho cơ quan hải quan;

Trường hợp hàng hóa thuộc đối tượng kiểm tra chuyên ngành về chất lượng, y tế, văn hóa, kiểm dịch động vật, thực vật, an toàn thực phẩm theo quy định của pháp luật có liên quan thì thời hạn hoàn thành kiểm tra thực tế hàng hóa được tính từ thời điểm nhận được kết quả kiểm tra chuyên ngành theo quy định.

Trường hợp lô hàng có số lượng lớn, nhiều chủng loại hoặc việc kiểm tra phức tạp thì Thủ trưởng cơ quan hải quan nơi làm thủ tục hải quan quyết định việc gia hạn thời gian kiểm tra thực tế hàng hóa, nhưng thời gian gia hạn tối đa không quá 02 ngày.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân, tổ chức.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi cục Hải quan

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không có.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Chi cục Hải quan.

d) Cơ quan phối hợp thực hiện TTHC (nếu có): Không có.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Xác nhận thông quan.

8. Phí, lệ phí: 20.000 đồng (Thông tư số 172/2010/TT-BTC)

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Tờ khai hàng hóa theo Phụ lục III Thông tư số 38/2015/TT-BTC.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- + Luật Hải quan số 54/2014/QH13 ngày 23 tháng 6 năm 2014;
- + Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan;
- + Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính quy định về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu.